

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 143/2019/HS - ST
Ngày: 19-8-2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Minh Đạo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trương Ngọc Điệp.

2/ Ông Võ Văn Hiệp.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Duy – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Điền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 103/2019/TLST – HS ngày 30 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2019/QĐXXST – HS ngày 26 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1970. Tại: Bình Dương. Nơi ĐKKHKT: Số x, đường ND, Tổ y, Khu z, phường H. thành phố M, tỉnh Bình Dương; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Q; Vợ: Nguyễn Thị Mộng D, có 03 con (lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2002). Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 18/11/2018 và tạm giam cho đến nay; Có mặt.

Bị hại: Ông Lê Văn N, sinh năm 1971. Địa chỉ: Đường NCT, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Ông Từ Minh H, sinh năm 1977. Địa chỉ: Đường Y, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

2/ Ông Lê Văn B, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xã HN, thị xã T, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

3/ Bà Huỳnh Thị Q, sinh năm 1943. Địa chỉ: Số x, đường ND, Tổ y, Khu z, phường H. thành phố M, tỉnh Bình Dương; Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thanh T làm nghề mua bán xe ô tô cũ nên quen biết với anh Lê Văn N, sinh năm 1971, ngụ tại đường NCT, phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương và anh Lê Văn B, sinh năm 1986, ngụ tại xã HN, thị xã T1, tỉnh Bình Dương.

Ngày 05/8/2016, Nguyễn Thanh T đến nhà anh Lê Văn B nói anh B có xe ô tô cũ thì đưa cho T mang đi bán nên anh B đưa cho T chiếc xe ô tô hiệu Hyundai biển số 93C – 00xxx để T đem bán. Khi giao xe cho T, anh B kêu T bán xe với giá là 410.000.000 (Bốn trăm mười triệu) đồng. Lúc này, T nhận xe ô tô cùng giấy chứng nhận đăng ký xe rồi điều khiển xe ô tô hiệu Hyundai biển số 93C – 00xxx đến khu vực Trạm thu phí thuộc phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương rồi đậu xe ở lề đường và đăng bảng bán xe. Sau đó, khoảng 04 ngày sau do không có tiền tiêu xài nên T đem xe ô tô hiệu Hyundai biển số 93C – 00xxx đến nhà anh Từ Minh H, sinh năm 1977, đăng ký hộ khẩu thường trú tại đường Y, phường H, thành phố M, tỉnh Bình Dương để cầm xe cho anh H lấy số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Khi cầm xe, T nói cho anh H biết xe ô tô trên là của T mua lại của người khác và chưa sang tên, tuy nhiên do quen biết T nên anh H nhận cầm xe. Sau khi cầm xe, anh H nhờ T chạy xe ô tô trên đến gửi ở gara ô tô HHP, địa chỉ tại phường T, thành phố M, tỉnh Bình Dương. Số tiền cầm xe ô tô cho anh H, T tiêu xài cá nhân hết.

Do chờ một thời gian mà thấy T không bán được xe ô tô nên anh Lê Văn B yêu cầu T trả lại xe ô tô cho anh B. Lúc này, T nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh Lê Văn N để chuộc xe ô tô trả cho anh B. Thực hiện ý định trên, khoảng 09 giờ ngày 12/8/2016, T đến nhà anh N nói “Đ” (tức Từ Minh H) có chiếc xe ô tô hiệu Hyundai biển số 93C – 00xxx bán với giá 360.000.000 (Ba trăm sáu mươi triệu) đồng, anh với em đến nhà nó xem xe, em bỏ ra số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng, anh bỏ ra số tiền 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng hùn mua rồi bán lại kiếm lời”; nghe T nói thì anh N đồng ý. Sau đó, T và anh N đến gara ô tô HHP để xem xe. Tại đây, anh N đồng ý mua xe ô tô hiệu Hyundai biển số 93C – 003.25 nên T điện thoại cho Từ Minh H đến đưa giấy chứng nhận đăng ký xe cho anh N xem và thỏa thuận việc mua bán xe. Khi gặp H xem giấy chứng nhận đăng ký xe thì anh N đồng ý mua và hỏi H “tiền bạc giao dịch như thế nào” thì H nói “anh cứ chạy xe về đi rồi anh em mình tính sau”. Lúc này, anh N kêu T điều khiển xe ô tô hiệu Hyundai biển số 93C – 00xxx đến khu vực Trạm thu phí đậu và đăng bảng bán xe.

Khoảng 10 giờ cùng ngày 12/8/2016, T đến nhà anh N kêu anh N đưa tiền để T trả tiền mua xe ô tô. Tại đây, anh N lấy số tiền 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng đưa cho T. Sau đó, T đem tiền đến nhà anh Từ Minh H trả cho anh H số tiền 201.000.000 (Hai trăm lẻ một triệu) đồng (gồm tiền cầm xe là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng, tiền lãi là 1.000.000 (Một triệu) đồng), số tiền còn lại T tiêu xài cá nhân hết. Sau khi trả tiền cho anh H, T đến nhà anh N kêu anh N đưa giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho T đi phô tô làm thủ tục đăng ký xe; anh N đồng ý và đưa giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô cho T. Đến ngày 20/8/2016, anh N nghe nói xe ô tô hiệu Hyundai biển số 93C – 00xxx là của anh Lê Văn B và bị anh B lấy xe lại nên đến hỏi anh H thì biết xe ô tô trên do T cầm cho anh H với số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng. Sau đó, anh N đến Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Thủ Dầu Một tố giác hành vi chiếm đoạt tiền của T. Quá trình điều tra, T thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt số tiền 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng của anh N.

Quá trình điều tra, anh Lê Văn N yêu cầu Nguyễn Thanh T bồi thường số tiền 260.000.000 (Hai trăm sáu mươi triệu) đồng đã chiếm đoạt của anh N. Ngày 03/5/2019, bà

Huỳnh Thị Q, sinh năm 1943, ngụ tại số x, đường NĐ, Tổ y, Khu z, phường H. thành phố M, tỉnh Bình Dương (là mẹ của T) đã giao nộp số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho anh N.

Đối với Từ Minh H, quá trình điều tra xác định: Khi T thỏa thuận mua bán xe ô tô với anh N thì H không biết mục đích T lừa anh N góp vốn mua xe để chiếm đoạt tiền của anh N nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an thành phố Thủ Dầu Một không đề cập xử lý.

Cáo trạng số 120/CT – VKS - HS ngày 27/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo Nguyễn Thanh T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một trong phần tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T mức hình phạt tù 07 năm 06 tháng đến 08 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) mà bà Huỳnh Thị Q đã nộp để đảm bảo thi hành án.

Bị hại trình bày: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm liên đới của ông Từ Minh H. Bồi lẽ trong sự việc này, ông H đã cấu kết với bị cáo nhằm lừa bị hại chiếm đoạt số tiền nêu trên. Do đó, ông H cũng phải bị xử lý hình sự về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Về trách nhiệm dân sự, đề nghị bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt đều không có ý kiến tranh luận.

Tại phiên tòa, bị cáo xác định chỉ thực hiện hành vi lừa đảo bị hại một mình và không có đồng phạm nào khác, ngoài ra không có ý kiến tranh luận gì thêm. Trong lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một qua tranh luận giữ nguyên quan điểm truy tố và nội dung luận tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tuy tại thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì Bộ luật Hình sự năm 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009 có hiệu lực thi hành nhưng mức hình phạt quy định về tội “Lừa đảo

chiếm đoạt tài sản” tại khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 không bất lợi hơn khoản 3 Điều 139 của Bộ luật Hình sự 1999 sửa đổi bổ sung năm 2009. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13, Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi 2017, xem xét áp dụng khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung 2017 khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại cùng những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 12/8/2016, Nguyễn Thanh T có hành vi dùng lời nói gian dối để tạo lòng tin đối với bị hại Lê Văn N nhằm chiếm đoạt số tiền 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng) sau đó bỏ trốn. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Đối với yêu cầu của bị hại về việc đề nghị xử lý ông Từ Minh H có vai trò đồng phạm với bị cáo. Xét thấy trong quá trình điều tra, chưa có căn cứ chứng minh ông Từ Minh H là đồng phạm với bị cáo trong việc lừa đảo bị hại. Do đó, đề nghị của bị hại không có căn cứ để xem xét.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì tham lam mà bị cáo đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, để có tác dụng giáo dục bị cáo đồng thời nhằm đấu tranh phòng chống tội phạm chung, cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) nhằm để bồi thường thay cho bị cáo. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ phạm tội cũng như tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tiền 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng). Bị cáo đồng ý bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) do bà Huỳnh Thị Q đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0003425 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đảm bảo thi hành án.

[7] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 136, 260, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015; Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; Nghị quyết số 01/2019/NQ – HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2/ Về hình phạt: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/11/2018.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 586, 589 Bộ luật Dân sự 2015. Buộc bị cáo bồi thường cho bị hại số tiền 260.000.000đ (hai trăm sáu mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Tiếp tục tạm giữ số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) do bà Huỳnh Thị Q đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2014/0003425 ngày 03/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một để đảm bảo thi hành án.

4/ Về biện pháp tư pháp: Không có.

5/ Về án phí: Bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 13.000.000đ (mười ba triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Công an tỉnh Bình Dương (PV06);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thủ Dầu Một;
- Công an thành phố Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Minh Đạo

- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, Tòa.